

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2021

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa.

Ông Lê Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vui – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố B, thị trấn U, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Công Q, sinh năm 1974; địa chỉ: khu phố B, thị trấn U, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01-3-2021, bản tự khai ngày 18-3-2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị L trình bày:

Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị L chung sống với ông Trương Công Q từ năm 1995, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé (nay là thị trấn Lai Uyên, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01, ngày 03-

01-1995. Quá trình chung sống, vợ chồng có thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay cãi vã về nhiều vấn đề trong cuộc sống, ông Q ngoại tình, hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2020. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà L yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: quá trình chung sống, vợ chồng bà L và ông Q có hai con chung là Trương Công D, sinh ngày 22-02-1996 và Trương Công T, sinh ngày 08-12-1998. Các con chung hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: bà L không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trương Công Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai nhưng ông Trương Công Q đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến Điều 98 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, 63, 237, 239, 243, 249, 258, 260 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: bà Huỳnh Thị L và ông Trương Công Q trong quá trình chung sống đã có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L về việc tranh chấp về ly hôn. Bị đơn là ông Trương Công Q có nơi cư trú tại khu phố B, thị trấn U, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Trương Công Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị L chung sống với ông Trương Công Q từ năm 1995, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé (nay là thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01, ngày 03-01-1995 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc (theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 17-3-2021 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng). Do đó, có cơ sở xác định: bà L và ông Q không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà L yêu cầu ly hôn với ông Q là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà L và ông Q có hai con chung là Trương Công D, sinh ngày 22-02-1996 và Trương Công T, sinh ngày 08-12-1998. Các con chung hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L đối với bị đơn ông Trương Công Q về việc tranh chấp về ly hôn.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị L và ông Trương Công Q.

- Về con chung: các con chung là Trương Công D, sinh ngày 22-02-1996, Trương Công T, sinh ngày 08-12-1998 đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: nguyên đơn bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0039323 ngày 09-3-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng;
- Ủy ban nhân dân xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé (nay là thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01, ngày 03-01-1995;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Dũng